TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 02-4-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dân

2. Ông Nguyễn Công Lý

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Cao Mỹ Anh, thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:* Ông Dương Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-DS ngày 11/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị T**

Địa chỉ: ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Kim Điền P, địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2018.

- *Bị đơn*: 1/ Bà **Danh Thị N**

2/ Ông **Nguyễn Phú H**

Cùng địa chỉ: ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Thế E

2. Bà Nguyễn Thị L

Cùng địa chỉ: ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông Dương Thành T

4. Bà Quách Thị Q.

Cùng địa chỉ: ấp X, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Kim Điền P trình bày*: Trong năm 2016 bà T có làm chủ hụi, trong quá trình mở hụi thì có bà Danh Thị N và ông Nguyễn Phú H tham gia cụ thể:

Hụi nửa tháng 300.000 đồng mở ngày 30/6/2016 âm lịch gồm có 60 phần, vợ chồng bà N, ông H tham gia 10 phần trong danh sánh hụi ghi tên "n". Trong dây hụi này bà N có tham gia dùm cho bà Quách Thị Q và ông Dương Thanh T 02 phần, bà Nguyễn Ánh L 01 phần, đối với 03 phần hụi này thì bà Q, ông T và bà Ánh L đóng hụi chết đầy đủ nên bà không yêu cầu xem xét. Đối với 07 phần hụi còn lại bà N đã hốt vào các kỳ mở hụi thứ nhất (8.405.000 đồng), kỳ thứ hai (8.560.000 đồng), kỳ thứ ba (9.720.000 đồng), kỳ thứ mười hai (8.814.000 đồng), kỳ thứ mười ba (9.500.000 đồng), kỳ thứ mười bốn (10.512.000 đồng), kỳ thứ mười sáu (12.226.000 đồng), kỳ thứ mười chín (11.810.000 đồng), kỳ thứ hai mươi (11.250.000 đồng), kỳ thứ hai mươi sáu (12.900.000 đồng). Sau khi hốt hụi bị đơn góp lại hụi đến kỳ thứ 43 thì ngưng và bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Sau đó bị đơn có gởi tiền về đóng cho bà T được tổng cộng là 5.000.000 đồng. Hiện dây hụi đã mãn ngày 15/12/2018 âm lịch, phía bà N và ông H còn nợ tiền góp hụi của dây hụi này là 10 kỳ là 21.000.000 đồng (10 kỳ x 300.000 đồng x 07 phần) trừ tiền gởi đóng là 5.000.000 đồng còn lại 16.000.000 đồng. Nay nguyên đơn bà T chỉ yêu cầu các bị đơn trả số tiền của dây hụi này là 16.000.000 đồng.

Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 25/01/2017 âm lịch có 36 phần và vợ chồng bà N, ông H tham gia 07 phần trong danh sánh hụi ghi tên "n". Trong dây hụi này bà N có tham gia dùm cho bà Quách Thị Q và ông Dương Thanh T 02 phần, ông Nguyễn Thế E 01 phần, đối với 03 phần hụi này thì bà Q, ông T và ông Thế E đóng hụi chết đầy đủ nên bà không yêu cầu xem xét. Đối với 07 phần hụi còn lại bà N đã hốt và nhận tiền vào các kỳ mở hụi thứ hai (10.110.000 đồng), kỳ thứ ba (9.660.000 đồng), kỳ thứ bốn (9.800.000 đồng), kỳ thứ năm (9.965.000 đồng), kỳ thứ sáu (10.050.000 đồng), kỳ thứ bảy (10.250.000 đồng), kỳ thứ chín (10.230.000 đồng), kỳ thứ mười (10.375.000 đồng), kỳ thứ mười một (10.475.000 đồng), kỳ thứ mười ba (11.525.000 đồng). Sau khi hốt hụi bị đơn chỉ góp tiền hụi chết đến kỳ thứ 14 là ngày 25/02/2018 âm lịch thì ngưng. Tính đến ngày 25/02/2019 âm lịch (30/3/2019 dương lịch), bà N và ông H vi phạm nợ tiền góp hụi là 12 kỳ là (12 kỳ x 500.000 đồng x 07 phần) tổng cộng là 42.000.000 đồng. Do dây hụi chưa đến ngày mãn đối với những kỳ còn lại do chưa đến kỳ khui hụi nên không yêu cầu giải quyết. Trường hợp bà N và ông H vi phạm không đóng các kỳ tiếp theo thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Nay nguyên đơn yêu cầu Danh Thị N và ông Nguyễn Phú H hoàn trả tiền hụi còn thiếu là 58.000.000 đồng.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/9/2018 bị đơn Danh Thị N trình bày*: Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ gồm:

Hụi nửa tháng 300.000 đồng mở ngày 30/6/2016 âm lịch bà tham gia tổng cộng 10 phần trong đó bà trực tiếp chơi 04 phần còn lại 06 phần bà chỉ cho bà T kêu hụi là bà Quách Thị Q và Dương Anh T tham gia 02 phần, Trần Quang K tham gia 03 phần, Nguyễn Ánh L tham gia 01 phần. Đối với 04 phần bà tham gia trực tiếp hiện bà đã hốt và đã nhận tiền đủ 04 phần. Sau đó bà đóng hụi chết đến ngày 15/3/2018 âm lịch. Sau ngày 15/3/2018 âm lịch bà đi Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và có gửi qua đường bưu điện đóng 2.000.000 đồng, vay bà Nguyễn Thị L (ấp K, thị trấn H) đóng 2 lần là 3.000.000 đồng. Đối với 06 phần của Quách Thị Q và Dương Anh T, Trần Quang K, Nguyễn Ánh L thì có đóng hụi chết cho bà T không thì bà không rõ vì trước khi đi Thành phố bà có chỉ bà T gom hụi chết.

Hụi tháng 500.000 đồng mở ngày 25/01/2017 âm lịch, bà tham gia tổng cộng là 10 phần trong đó bà trực tiếp tham gia 02 phần, bà giới thiệu cho 03 người tham gia là Quách Thị Q và Dương Anh T tham gia 02 phần; Trần Quang K tham gia 05 phần; Trần Thế E tham gia 01 phần. Đối với 02 phần hụi của bà đã hốt và đã nhận tiền đủ 02 phần, bà cho ông K mượn hốt và đóng hụi chết của 02 phần này đến ngày 25/3/2018 âm lịch.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà trả tiền hụi còn thiếu của 02 dây hụi này bà không đồng ý vì giữa bà với bà T còn một số dây hụi khác chưa cấn trừ.

- *Tại biên bản lấy khai ngày 04/9/2018 bị đơn Nguyễn Phú H trình bày*: Việc chơi hụi giữa bà N vợ ông với bà T như thế nào ông không biết, ông chỉ có nghe vợ ông nói là có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ. Còn tham gia dây hụi nào, khui ngày nào và hiện còn nợ hay không thì ông không biết.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng. Tuy nhiên, vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, phải thu thập chứng cứ, xác minh người làm chứng nên vụ án có quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Về phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đảm bảo đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tại tòa.

+ Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền hụi chết của 02 dây hụi, đối với dây hụi khui ngày 30/6/2016 âm lịch bị đơn tham gia 10 phần và dây hụi khui ngày 25/01/2017 âm lịch bị đơn tham gia cũng 10 phần. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện và chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền hụi chết của mỗi dây là 07 phần. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi gồm: đối với dây thứ nhất khui ngày 30/6/2016 âm lịch là 07 phần, mỗi phần là 300.000 đồng đến ngày mãn hụi là 10 kỳ với số tiền còn thiếu là 21.000.000 đồng trừ 5.000.000 đồng còn lại 16.000.000 đồng. Đối với dây thứ 2 khui ngày 25/01/2017 âm lịch là 07 phần, mỗi phần là 500.000 đồng, yêu cầu đến ngày 25/02/2019 âm lịch là 12 kỳ với số tiền là 42.000.000 đồng. Do vụ án kéo dài và số tiền tăng thêm theo mỗi kỳ khui hụi nên việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là phù

hợp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn thừa nhận có tham gia 02 dây hụi và trong đó có một số phần hụi chỉ nguyên đơn khui hụi nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không chứng minh được việc chỉ nguyên đơn khui nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi là có cơ sở. Đề nghị HĐXX buộc bị đơn Danh Thị N và ông Nguyễn Phú H có trách nhiệm trả tiền hụi cho nguyên đơn tổng cộng là 58.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Danh Thị N và ông Nguyễn Phú H trả tiền góp hụi còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp để giải quyết là: "*Tranh chấp hợp đồng hụi*" theo qui định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn có địa chỉ cư trú ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn Danh Thị N, ông Nguyễn Phú H và những người làm chứng ông Nguyễn Thế E, bà Nguyễn Thị L, ông Dương Thành T, bà Quách Thị Q. Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 02 tuy nhiên phía bị đơn và những người làm chứng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn và những người làm chứng nêu trên.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi, bổ sung một phần nội dung đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền hụi cho nguyên đơn là đối với dây hụi khui ngày 30/6/2016 âm lịch gồm là 07 phần và yêu cầu bị đơn trả tiền hụi chết đến ngày mãn hụi là ngày 15/12/2018 âm lịch, đối với dây hụi khui ngày 25/01/2017 âm lịch là 07 phần và yêu cầu đến ngày 25/02/2019 âm lịch. Lý do thay đổi là các phần hụi còn lại đã đóng hụi chết đầy đủ nên không yêu cầu, đồng thời vụ án kéo dài nên đến ngày xét xử đã khui thêm các kỳ hụi khác. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về nội dung*:

[4] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn bà N và ông H hoàn trả tổng số tiền hụi còn thiếu 58.000.000 đồng gồm: dây hụi thứ nhất khui ngày 30/6/2016 âm lịch *(10 kỳ x 300.000 đồng x 07 phần)* với số tiền hụi chết chưa đóng là 21.000.000 đồng trừ 5.000.000 đồng còn lại 16.000.000 đồng. Dây hụi thứ hai khui ngày 25/01/2017 âm lịch *(12 kỳ x 500.000 đồng x 07 phần)* tính đến ngày 25/01/2019 âm lịch (ngày 30/3/2019 dương lịch) là 42.000.000 đồng, dây hụi này đến ngày 25/12/2019 âm lịch thì mãn. Bị đơn bà N thừa nhận là bà có tham gia 02 dây hụi này do bà T làm chủ

nhưng thừa nhận hụi ngày 30/6/2016 âm lịch tham gia 04 phần và dây ngày 25/01/2017 âm lịch tham gia 02 phần, các phần hụi còn lại giới thiệu người chơi cho bà T. Ngoài ra, giữa bà với bà T còn một số dây hụi khác chưa cấn trừ nên bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà T.

[5] Xét thấy, trong dây sách của 02 dây hụi đều để tên "n". Nguyên đơn xác định bị đơn là người trực tiếp tham gia 02 dây hụi và mỗi dây tham gia 10 phần chứ không phải giới thiệu người chơi, từ khi bị đơn bỏ đi thì nguyên đơn mới biết là bị đơn có chơi dùm cho bà Q, ông T, bà L và ông Thế E. Lời trình bày của nguyên đơn cũng phù hợp với lời trình bày của người làm chứng là bà Quách Thị Q, ông Trần Thế E là có nhờ bị đơn chơi hụi dùm, bị đơn là người đi khui hụi và hốt hụi trước khi bị đơn bỏ đi thành phố thì đóng hụi chết thông qua bị đơn. Từ khi bị đơn bỏ đi thì bà Q với ông Thế E mới đóng trực tiếp cho nguyên đơn. Nên đủ căn cứ kết luận bà N có tham gia 02 dây hụi của bà T và mỗi dây tham gia 10 phần, đã nhận tiền hụi còn việc bị đơn trình là giới thiệu ông K, ông E, bà Q và bà L cho nguyên đơn là không có cơ sở. Tuy nhiên, sau khi bà N và ông H bỏ đi thành phố làm ăn thì trong các phần hụi bà Q tham gia có một số phần đã đóng hụi chết cụ thể: đối với dây ngày 30/6/2016 âm lịch thì hiện bà N chỉ thiếu 07 phần hụi chết chưa đóng, còn 03 phần còn lại bà Quách Thị Q, ông Dương Thanh T đóng 02 phần hụi chết và Nguyễn Thị Ánh L đóng 01 phần hụi chết. Đối với dây hụi ngày 25/01/2017 âm lịch thì hiện bà N chỉ thiếu 07 phần hụi chết chưa đóng, 03 phần còn lại bà Quách Thị Q, ông Dương Thanh T đóng 02 phần hụi chết và Nguyễn Thế E đóng 01 phần hụi chết. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm đối với hai dây hụi, mỗi dây 07 phần là có căn cứ.

[6] Tại biên bản lấy khai ngày 24/9/2018 (BL 62) bị đơn thừa nhận, các phần hụi tham gia đã hốt và chỉ đóng hụi đến tháng 3/2018 thì bị đơn bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Xét thấy, sau khi hốt hụi thì thành viên có trách nhiệm góp hụi lại cho chủ hụi theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường "*Trong trường hợp thành viên không góp phần họ khi đến kỳ mở họ thì thành viên đó phải thanh toán đủ phần họ còn thiếu tương ứng với thời gian chưa thanh toán cho đến thời điểm kết thúc họ và bồi thường thiệt hại nếu có*". Trường hợp thành viên không góp phần hụi của mình thì chủ hụi được quyền yêu cầu thành viên đó phải có trách nhiệm góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường "*chủ hụi được yêu cầu thành viên không góp phần họ của mình phải hoàn trả phần họ trong trường hợp chủ họ đã góp thay cho thành viên đó*". Do bị đơn hốt hụi nhưng không đóng hụi chết lại nên nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ góp hụi đối với 02 dây hụi cụ thể:

+ Đối với dây hụi ngày 30/6/2016 âm lịch, bị đơn ngưng đóng từ ngày 15/3/2018 âm lịch, dây hụi này mãn là ngày 15/12/2018 âm lịch. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền hụi chết 10 kỳ chưa góp của 07 phần hụi với số tiền là 21.000.000 đồng (10 kỳ x 07 phần x 300.000 đồng). Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đồng ý cấn trừ số tiền 5.000.000 đồng bị đơn gởi đóng sau ngày 15/3/2018 âm lịch và chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 16.000.000 đồng. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu bị

đơn trả số tiền của 10 kỳ hụi chết còn thiếu là có cơ sở và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với dây hụi ngày 25/01/2017 âl, bị đơn ngưng đóng từ kỳ khui hụi ngày 25/3/2018 âm lịch tính đến kỳ khui ngày 25/02/2019 âm lịch (30/3/2019 dương lịch) là 12 kỳ khui hụi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn góp hụi của dây hụi này là 12 kỳ của 07 phần hụi với số tiền là 42.000.000 đồng (12 kỳ x 07 phần x 500.000 đồng). Xét thấy, yêu cầu của bị đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với các kỳ khui hụi còn lại kể từ kỳ khui hụi ngày 25/02/2019 âm lịch (30/3/2019 dương lịch) đến ngày mãn hụi nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này nguyên đơn có yêu cầu thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[7] Mối quan hệ giữa bà N và ông H là vợ, chồng cư trú ổn định tại ấp K, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Và số tiền hụi được nhận dùng cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình nên có căn cứ xác định việc bà N nợ tiền góp hụi là nghĩa vụ chung của bà N và ông H theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Ngoài ra phía ông H cũng thừa nhận có biết việc bà N tham gia chơi hụi do bà T làm chủ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông H có trách nhiệm cùng với bà N trả nợ hụi là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với việc bị đơn không đồng ý trả tiền hụi còn thiếu của 02 dây hụi này vì giữa bà với bà T còn một số dây hụi khác chưa cấn trừ, bà sẽ làm đơn phản tố yêu cầu cấn trừ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Tòa án cũng không nhận được đơn phản tố của bị đơn về vấn đề cấn trừ tiền hụi. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này. Trường hợp bị đơn có giấy tờ, tài liệu để chứng cho yêu cầu của mình thì khởi kiện thành vụ án khác.

[9] Đối với bị đơn trình bày là chỉ cho bà T khui hụi đối với Quách Thị Q, Dương Anh T, Nguyễn Ánh L, Trần Quang K và Trần Thế E. Xét thấy, các phần hụi bị đơn chơi dùm cho vợ chồng Quách Thị Q và Dương Anh T, Nguyễn Ánh L, Trần Thế E theo nguyên đơn thì những người này chủ động liên hệ và giao tiền hụi chết đầy đủ cho cho nguyên đơn sau khi bị đơn ngưng đóng nên nguyên đơn không tiếp tục yêu cầu. Đối với ông Trần Quang K bị đơn trình bày là giới thiệu tham gia hụi trực tiếp với nguyên đơn thì không có chứng cứ, chứng minh. Ngoài ra, ông K vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không thể xác minh, lấy khai ông K về liên quan đến phần hụi này. Trường hợp bị đơn tham gia hụi dùm người khác và nếu có tranh chấp với họ thì bị đơn có thể khởi kiện theo quy định pháp luật.

[10] Từ những phân tích nêu trên. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn Danh Thị N và ông Nguyễn Phú H liên đới trả tiền nợ hụi tổng cộng 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) cho nguyên đơn bà Trần Thị T.

[11] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn Danh Thị N và ông Nguyễn Phú H liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.000.000 đồng x 5% = 2.900.000 đồng theo qui định của pháp luật khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 471, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ hụi, biêu phường, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn bà Danh Thị N và ông Nguyễn Phú H liên đới trả tiền nợ hụi 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng) cho nguyên đơn bà Trần Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10% theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn bà Danh Thị N và ông Nguyễn Phú H liên đới chịu là 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm ngàn đồng)

Nguyên đơn bà Trần Thị T không phải chịu án phí và hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003274 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Phước Toàn